

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp
Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án; số 74/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 và số 572/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 7096/TTr-SGTVT ngày 14/11/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 7095/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa với những nội dung chủ yếu sau:

I. Khái quát về dự án

- Dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 với tổng mức đầu tư là **900.000.000.000 đồng** (Chín trăm tỷ đồng); trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	230.000.000.000 đồng.
+ Chi phí xây dựng:	533.519.144.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	6.334.327.000 đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	25.572.065.000 đồng.
+ Chi phí khác:	28.617.138.000 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	75.957.326.000 đồng.

- Nội dung, quy mô và phạm vi đầu tư (theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh): Tổng chiều dài 18,8km (trong đó đoạn Km15+139,47 - Km17+505,02 dài 2.365m trùng với dự án Đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa nên không đầu tư trong dự án này); Chiều dài thực tế của dự án là 16.442m, cụ thể:

- Nguồn vốn, cơ cấu vốn đầu tư và thời gian bố trí vốn thực hiện dự án (theo Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh):

+ Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đầu tư các chi phí của dự án và chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn huyện Hà Trung: 718,6 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương là 716,6 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh là 02 tỷ đồng.

+ Vốn ngân sách thị xã Bim Sơn, huyện Nga Sơn đảm nhiệm phần còn lại để thực hiện chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn thị xã Bim Sơn, huyện Nga Sơn.

+ Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Không quá 04 năm, kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

- Thời gian thực hiện (theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh): Không quá 04 năm (2021 - 2024).

- Tình hình thực hiện dự án:

+ Về bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB): Đến nay, UBND các địa phương đã hoàn thành và bàn giao 15,714/16,442km, đạt 95,6%; trong đó: thị xã Bim Sơn bàn giao 2,25/2,25km, đạt 100%; huyện Hà Trung bàn giao 1,427/1,427km, đạt 100%; huyện Nga Sơn bàn giao 12,037/12,765km, đạt

94,3%, còn lại 0,728km/98 hộ dân chưa GPMB.

+ Về công tác thi công: Dự án có 01 gói thầu xây lắp được khởi công từ ngày 01/01/2022, tiến độ hoàn thành (theo hợp đồng) ngày 31/12/2024. Đến nay, giá trị xây lắp thực hiện khoảng 60,2%.

- Dự án được HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 572/NQ-HĐND ngày 15/10/2024.

II. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện do chế độ chính sách nhà nước thay đổi làm tăng chi phí GPMB và do biến động giá nhiên, vật liệu, nhân công, máy thi công làm tăng chi phí xây dựng, dẫn đến vượt tổng mức đầu tư được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 và đã được HĐND tỉnh Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị Quyết số 572/NQ-HĐND ngày 15/10/2024. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án là cần thiết.

III. Nội dung điều chỉnh

1. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **1.089.338.478.000 đồng.**

(Một nghìn không trăm tám mươi chín tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	410.598.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	533.046.522.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	6.328.716.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	25.343.171.000 đồng.
- Chi phí khác:	33.546.942.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	80.475.127.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục TMDT điều chỉnh kèm theo)

2. Điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn tại mục 1 Điều 1 Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Từ:

“- Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đầu tư từ các chi phí của dự án và chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn huyện Hà Trung: 718,6 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương là 716,6 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh là 02 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách thị xã Bim Sơn, huyện Nga Sơn đảm nhiệm phần còn lại để thực hiện chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn thị xã Bim Sơn, huyện Nga Sơn”.

- Thành:

“- Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đầu tư từ các chi phí của dự án và chi

phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn huyện Hà Trung đã được bố trí: 718,6 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương là 716,6 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh là 02 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư thực hiện giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Nga Sơn, gồm: Nguồn ngân sách tỉnh 120 tỷ đồng; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh là 80 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách huyện Nga Sơn đảm nhận phần còn lại.

- Vốn ngân sách thị xã Bim Sơn đảm nhiệm phần còn lại để thực hiện chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn thị xã Bim Sơn”.

3. Điều chỉnh thời gian bố trí vốn thực hiện dự án tại mục 1 Điều 1 Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ “- Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Không quá 04 năm, kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án” thành “Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Theo tiến độ thời gian thực hiện dự án”.

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại mục 13 Điều 1 Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ “Thời gian thực hiện dự án: Không quá 04 năm (2021-2024)” thành “Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành trong năm 2025”.

IV. Nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về phê duyệt dự án đầu tư và số 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung số liệu, hồ sơ điều chỉnh trình thẩm định, phê duyệt. Đồng thời, tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách và đầu tư công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện: Hà Trung, Nga Sơn;
- UBND thị xã Bim Sơn;
- Ban QLDA Đầu tư CTGT Thanh Hóa;
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	Chi phí bồi thường GPMB (đã bao gồm dự phòng)	230.000.000.000	Cộng 1-3	410.598.000.000	180.598.000.000
1	Đoạn qua địa phận thị xã Bim Sơn		Công văn số 956/UBND-QLDA ngày 02/4/2024 của UBND thị xã Bim Sơn	23.976.000.000	
2	Đoạn qua địa phận huyện Hà Trung		Công văn số 1141/UBND-TNMT ngày 08/4/2024 của UBND huyện Hà Trung	11.622.000.000	
3	Đoạn qua địa phận huyện Nga Sơn		Báo cáo số 674/BC-UBND ngày 19/9/2024 của UBND huyện Nga Sơn	375.000.000.000	
II	Chi phí xây dựng	533.519.144.000	Cộng 1-2	533.046.522.000	-472.622.000
1	Phần công trình giao thông	533.519.144.000	Hợp đồng số 07/2021/HĐXD ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 08/PLHĐ ngày 05/7/2024 (không bao gồm chi phí xây dựng, tháo dỡ trạm trộn BTXM và trạm biển áp)	525.327.936.000	
2	Phần điện chiếu sáng		Quyết định số 924/QĐ-SGTVT ngày 30/8/2024 của Sở GTVT	7.718.586.000	

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	
			Phương pháp xác định	Giá trị		
III	Chi phí quản lý dự án	6.334.327.000	1,306% x	484.587.747.273	6.328.716.000	-5.611.021
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	25.572.065.000	Cộng 1-18		25.343.171.000	-228.894.000
1	Khảo sát, lập báo cáo NCKT; thiết kế cắm cọc GPMB, MLG	5.794.272.000	Hồ sơ nghiệm thu quyết toán tháng 03/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu		5.075.895.000	-718.377.000
2	Lập đề cương, nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	170.223.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT		295.568.000	125.345.000
3	Khảo sát bước thiết kế BVTC	7.024.943.000	Hợp đồng số 37/2021/HĐKT gày 26/5/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu		6.713.945.000	-310.998.000
4	Lập thiết kế BVTC	4.918.076.000			5.334.760.000	416.684.000
5	Lập nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC	405.786.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT		394.365.000	-11.421.000
6	Cắm cọc GPMB và MLG	863.127.000	PLHĐ số 02/2022/PLHĐ ngày 05/3/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu		769.966.000	-93.161.000
7	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát rà phá bom mìn, vật nổ	-	Hợp đồng số 03/2021/HĐ TVRPBM ngày 24/12/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu		32.100.000	32.100.000
8	Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ	-	Hợp đồng số 21/2022/HĐ GSRPBM ngày 28/5/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu		48.527.000	48.527.000
9	Thẩm tra thiết kế BVTC	271.610.000	Hợp đồng số 46/2021/TV-HĐKT ngày 16/7/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu		518.858.000	-9.811.000
10	Thẩm tra dự toán	257.059.000				

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
11	Giám sát thi công xây dựng công trình	4.927.777.000	Hợp đồng số 01/2022/HĐTVGS ngày 10/01/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu	5.353.840.000	426.063.000
12	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	100.000.000	-
13	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	49.596.000		54.064.000	4.468.000
14	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000		100.000.000	-
15	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT các gói thầu tư vấn	49.596.000		25.421.000	-24.175.000
16	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	190.000.000		Hợp đồng số 110/2020/HĐKT ngày 16/10/2020 giữa Ban QLDA và nhà thầu	179.825.000
17	Thẩm tra an toàn giao thông	150.000.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	150.000.000	-
18	Giám sát môi trường khi thi công	300.000.000	Hợp đồng số 28/2022/HĐKT ngày 08/7/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu	196.037.000	-103.963.000
V	Chi phí khác	28.617.138.000	Cộng 1-12	33.546.942.000	4.929.804.000
1	Thuế tài nguyên, phí môi trường	-	Hợp đồng số 07/2021/HĐXD ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 08/PLHĐ ngày 05/7/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu	4.956.315.000	4.956.315.000

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	
			Phương pháp xác định	Giá trị		
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	742.500.000			484.782.000	-257.718.000
2.1	<i>Phần chi phí bồi thường GPMB</i>		0,089% x0,5x	410.598.000.000	182.716.110	
2.2	<i>Các hạng mục còn lại</i>		0,089% x0,5x	678.800.000.000	302.066.000	
3	Chi phí kiểm toán độc lập	2.133.000.000			1.244.811.000	-888.189.000
3.1	<i>Phần chi phí bồi thường GPMB</i>		0,128% x1,1x0,5x	410.598.000.000	289.060.992	
3.2	<i>Các hạng mục còn lại</i>		0,128% x1,1x	678.800.000.000	955.750.400	
4	Chi phí bảo hiểm công trình	1.212.544.000	Hợp đồng số 07/2021/HĐXD ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 08/PLHD ngày 05/7/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu		1.322.082.000	109.538.000
5	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	45.000.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT		45.000.000	-
6	Phí thẩm định thiết kế BVTC	48.502.000			23.966.000	-24.536.000
7	Phí thẩm định dự toán	45.592.000			22.532.000	-23.060.000
8	Phí thẩm định hạng mục điện chiếu sáng				1.087.000	1.087.000

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
9	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	1.740.000.000	Hợp đồng số 20/2022/HĐ-RPBM ngày 28/5/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu	1.540.137.000	-199.863.000
10	Kiểm tra của cơ quan QLNN trong quá trình thực hiện	100.000.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	100.000.000	-
11	Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu	50.000.000		50.000.000	-
12	Các chi phí khác	22.500.000.000		23.756.230.000	1.256.230.000
12.1	Hoàn trả đường công vụ	22.500.000.000		22.500.000.000	-
12.2	Chi phí đảm bảo ATGT	-		-	-
12.3	Xây dựng và tháo dỡ trạm trộn BTXM	-	Hợp đồng số 07/2021/HĐXD ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 08/PLHĐ ngày 05/7/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu	760.000.000	760.000.000
12.4	Xây dựng và tháo dỡ trạm biển áp	-		414.750.000	414.750.000
12.5	Công tác nghiệm thu đóng điện bàn giao	-		Quyết định số 924/QĐ-SGTVT ngày 30/8/2024 của Sở GTVT	81.480.000

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (), giảm (-)	
			Phương pháp xác định	Giá trị		
VI	Chi phí dự phòng (không bao gồm dự phòng cho chi phí bồi thường GPMB)	75.957.326.000	Cộng 1-2		4.517.801.000	
1	Dự phòng cho công việc, khối lượng phát sinh đối với phần xây dựng chưa thực hiện (phần công trình giao thông, điện chiếu sáng và hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do ảnh hưởng khi thi công xây dựng)	49.587.960.000	10%	x 236.221.272.000	23.622.127.000	-25.965.833.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	26.369.366.000	9,5%	x (II+III+IV+V)	56.853.000.000	30.483.634.000
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		900.000.000.000	(I+II+III+IV+V+VI)		1.089.338.478.000	189.338.478.000